

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| STT | ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI | LÝ DO SỬA/BỔ SUNG & LUẬT THAM CHIẾU |
|------------|---|---|---|
| 1. | Khoản 1a Điều 1. Định nghĩa “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này. | Khoản 1a Điều 1. Giải thích thuật ngữ "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này | Sửa theo Khoản 29 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2014. |
| 2. | Khoản 1b Điều 1. Định nghĩa “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005 | Khoản 1b Điều 1. Giải thích thuật ngữ "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 | Luật doanh nghiệp 2014 thay thế Luật doanh nghiệp 2005 |
| 3. | Không quy định | Khoản 1c Điều 1. Giải thích thuật ngữ "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010 | Bổ sung dẫn chiếu Luật chứng khoán |
| 4. | Khoản 1d Điều 1. Định nghĩa “ Cán bộ quản lý ” là Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn. | Khoản 1f Điều 1. Giải thích thuật ngữ “ Người điều hành doanh nghiệp ” là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty. | Thay thế khái niệm “Cán bộ quản lý” bằng “Người điều hành doanh nghiệp” theo Khoản 5 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC |
| 5. | Không quy định | Khoản 1d, h, i Điều 1. Giải thích thuật ngữ “Công ty” là Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần; "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán; | Bổ sung một số khái niệm theo Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC và Khoản 2 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2014 |
| 6. | Khoản 4 Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty | Khoản 4 Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty | Sửa đổi theo thực tế hoạt động của Công ty |

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | | |
|-----|--|--|--|
| | Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty. | Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty. Các nội dung quy định về người đại diện theo pháp luật và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo Điều 13, 14 Luật doanh nghiệp. | |
| 7. | Khoản 1 Điều 3 về ngành nghề kinh doanh Chưa cập nhật bổ sung các ngành nghề mới của Công ty và chưa có mã ngành theo quy định | Khoản 1 Điều 3 về ngành nghề kinh doanh Bổ sung đầy đủ các ngành nghề mới công ty đã đăng ký thêm và bổ sung mã ngành | Cập nhật ngành nghề theo thực tế hoạt động và đăng ký với Sở KHĐT |
| 8. | Không quy định | Khoản 6 Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập Bổ sung tỷ lệ góp vốn của các Cổ đông sáng lập Công ty tại thời điểm thành lập | Bổ sung theo quy định tại Khoản 1d Điều 25 Luật doanh nghiệp năm 2014 |
| 9. | Không quy định | Khoản 2 Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp. | Bổ sung theo Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC và Khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp năm 2014 |
| 10. | Khoản 1 Điều 13. Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | Khoản 1 Điều 13. Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | Bổ sung theo Khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp năm 2014 |
| 11. | Khoản 3c Điều 13. Đại hội đồng cổ đông Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ. | Khoản 3c Điều 13. Đại hội đồng cổ đông Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này. | Sửa, bổ sung theo Điều lệ mẫu – Thông tư 95/2017/TT-BTC và khoản 3 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014 |
| 12. | Khoản 2n Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại | | Bãi bỏ theo quy định tại Điều 12 |

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | | |
|-----|--|--|---|
| | <p>hội đồng cổ đông</p> <p>2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau: n. Việc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch HĐQT;</p> | <p align="center">Bãi bỏ nội dung này trong dự thảo Điều lệ mới</p> | <p>Nghị định 71/2017/NĐ-CP: “Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc) của cùng 01 công ty đại chúng.” (Quy định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2020)</p> |
| 13. | <p>Khoản 2a Điều 17. Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp, và thông báo họp ĐHĐCĐ Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.</p> | <p>Khoản 2a, b, c,d Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> | <p>Sửa theo khoản 7 Điều 136, Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2014.</p> |
| 14. | <p>Khoản 4 Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> | <p>Khoản 4 Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> | <p>Sửa theo Khoản 2a Điều 142 Luật doanh nghiệp năm 2014</p> |

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | | |
|-----|---|---|--|
| 15. | <p>Điều 20. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>2. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo BCTC gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận</p> | <p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>d. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>e. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy</p> | <p>Bổ sung quy định việc bầu thành viên HĐQT và BKS thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung quy định NQ của ĐHĐCĐ đối với các vấn đề khác được thông qua khi đạt tỷ lệ tán thành từ 51% trở lên – theo Điều 144.2 Luật Doanh nghiệp 2014</p> <p>Bổ sung quy định NQ của ĐHĐCĐ được thông qua với tỷ lệ 100% là hợp pháp và có hiệu lực kể cả khi trình tự thủ tục thông qua không đúng theo quy định – Theo Điều 148.2 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>Bảo lưu các tỷ lệ theo Điều lệ cũ.</p> |
|-----|---|---|--|

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | | |
|------------|---|--|--|
| | <p>(đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p> | <p>quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này, các quyết định khác được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> | |
| <p>16.</p> | <p>Khoản 4 Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHCĐ</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc bị mở đều không hợp lệ.</p> | <p>Khoản 4, 5 Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHCĐ</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời</p> | <p>Sửa theo Khoản 4b Điều 145 Luật doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017/TT-BTC</p> |

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | | |
|-----|--|---|--|
| | | hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. | |
| 17. | <p>Khoản 5f Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHCĐ 5.f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Khoản 6 Điều 21 6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> | <p>Khoản 5f Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHCĐ 5.f. Họ, tên chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Khoản 7 Điều 21 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> | <p>Sửa/bổ sung theo Khoản 5e Điều 145 Luật doanh nghiệp năm 2014</p> <p>Sửa theo khoản 6 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2014</p> |
| 18. | <p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận</p> | <p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu</p> | <p>Sửa chi tiết theo Điều 146 Luật doanh nghiệp năm 2014</p> |

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | |
|--|--|--|
| <p>của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> | <p>tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành</p> | |
|--|--|--|

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | | |
|-----|---|---|---|
| | | <p>tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> | |
| 19. | <p>Khoản 5 Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến hết ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p> | <p>Bãi bỏ nội dung này trong dự thảo Điều lệ mới</p> | <p>Bỏ nội dung này vì Điều lệ cũ đang căn cứ theo Thông tư 121/2012/TT-BTC hiện đã hết hiệu lực.</p> <p>Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty đại chúng cũng đã lược bỏ quy định về thẩm quyền của HĐQT trong việc bổ nhiệm người khác làm thành viên HĐQT để thay thế tạm thời chỗ trống phát sinh.</p> |
| 20. | <p>Khoản 4a Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản</p> | <p>Khoản 4a Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị</p> | <p>Bổ sung thêm trường hợp: thành lập địa điểm kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.</p> |

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | | |
|-----|--|---|---|
| | trị phê chuẩn: a. Thành lập chi nhánh, các văn phòng đại diện của Công ty; | phê chuẩn: a. Thành lập chi nhánh, các văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của Công ty; | |
| 21. | Khoản 1 Điều 26. Chủ tịch, phó Chủ tịch HĐQT 1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một chủ tịch và một Phó chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm nhiệm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên | Khoản 1 Điều 28. Chủ tịch, phó Chủ tịch HĐQT 1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Phó chủ tịch. | Bãi bỏ quy định Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm TGD khi được ĐHCĐ chấp thuận do Nghị định 71/2017/NĐ-CP quy định: “Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc) của cùng 01 công ty đại chúng.” (Quy định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2020) |
| 22. | Khoản 4 Điều 27. Các cuộc họp của HĐQT 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp . Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị. | Khoản 4 Điều 29. Cuộc họp của HĐQT 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc , kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị. | Sửa theo Khoản 5 Điều 153 Luật doanh nghiệp năm 2014 |
| 23. | Khoản 8 Điều 27. Các cuộc họp của HĐQT 8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất . Cuộc họp | Khoản 8 Điều 29. Cuộc họp của HĐQT 8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp không có đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất . Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có | Sửa theo Khoản 8 Điều 153 Luật doanh nghiệp năm 2014 |

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | | |
|-----|---|--|---|
| | triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. | hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. | |
| 24. | <p>Khoản 14 Điều 27. Các cuộc họp của HĐQT</p> <p>Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi.</p> <p>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</p> | <p>Khoản 14 Điều 29. Cuộc họp của HĐQT</p> <p>Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản.</p> | Sửa theo Khoản 1 Điều 154 Luật doanh nghiệp năm 2014, Biên bản họp HĐQT chỉ cần có chữ ký của chủ tọa và thư ký, không cần chữ ký của tất cả thành viên HĐQT dự họp như quy định cũ. |
| 25. | <p>Điều 28. Các tiểu ban của HĐQT</p> <p>1. HĐQT thành lập Tiểu ban chính sách phát triển, Tiểu ban nhân sự và Tiểu ban lương thưởng để hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Tiểu ban nhân sự và Tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất 1 thành viên HĐQT độc lập làm trưởng ban.</p> <p>2. HĐQT có thể thành lập các Tiểu ban đặc biệt khác sau khi có nghị quyết chấp thuận của ĐHCĐ.</p> <p>3. HĐQT có thể ủy quyền cho các Tiểu ban quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này được quyền hành động và ra quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.</p> <p>4. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.</p> | <p>Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ... để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Tiểu ban nhân sự và Tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự</p> | <p>Lược bỏ quy định trong điều lệ cũ v/v thành lập các tiểu ban đặc biệt phải có sự chấp thuận của ĐHCĐ – điều này sẽ trao quyền chủ động cho HĐQT trong việc thành lập các tiểu ban trong một số trường hợp cần thiết.</p> <p>Bổ sung thêm nội dung về số lượng và điều kiện của thành viên tiểu ban theo mẫu Điều lệ của TT 95/2017/TT-BTC.</p> |

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHQCD THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | | |
|-----|---|--|---|
| | | <p>và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các tiểu ban quy định tại Khoản 1 Điều này được quyền hành động và ra quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.</p> | |
| 26. | <p>Điều 30. Cán bộ quản lý</p> <p>1. Theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị. Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự miễn cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> | <p>Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc (Giám đốc) và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cần để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> | Thay thế quy định về “Cán bộ quản lý” bằng quy định “Người điều hành doanh nghiệp” theo Khoản 5 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Điều 34 Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC |
| 27. | <p>Điều 32. Thư ký Công ty</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh</p> | <p>Điều 34. Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>1. Thư ký Công ty</p> <p>Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> | <p>Sửa quy định về Thư ký Công ty theo Khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp năm 2014</p> <p>Bổ sung quy định về Người phụ trách quản trị Công ty theo Điều 32 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC</p> |

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | |
|--|--|--|
| <p>của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>b. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> | <p>c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;</p> <p>d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</p> <p>e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>f. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký Công ty.</p> <p>2.1. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>2.2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> | |
|--|--|--|

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | | |
|-----|--|--|---|
| | | <p>2.3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Tham dự các cuộc họp; e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty. h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. | |
| 28. | <p>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành</p> <p>1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều</p> | <p>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc (Giám đốc)</p> <p>1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị (với điều kiện thành viên đó không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị) hoặc một người khác làm Tổng giám đốc (Giám</p> | <p>Bổ sung quy định về điều kiện để thành viên HĐQT được lựa chọn bổ nhiệm làm TGD thì thành viên đó không phải là Chủ tịch HĐQT (do Nghị định 71/2017/NĐ-CP quy định: “Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc) của cùng 01 công</p> |

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | | |
|-----|--|---|---|
| | <p>hành và sẽ ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</p> | <p>đốc) và sẽ ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc (Giám đốc) phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không phải là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> | <p>ty đại chúng.”)</p> <p>Sửa đổi nhiệm kỳ TGD thành 5 năm theo điều 35.2 Điều lệ mẫu thông tư 95/2017/TT-BTC</p> |
| 29. | <p>Khoản 1 Điều 36. Thành viên BKS Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán...</p> | <p>Khoản 1 Điều 35. Thành viên BKS Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p> | <p>Sửa theo Khoản 2 Điều 163 Luật doanh nghiệp năm 2014</p> |
| 30. | <p>Khoản 4 Điều 36. Thành viên BKS 4. Thành viên BKS không còn tư cách thành viên</p> | <p>Khoản 4 Điều 35. Thành viên BKS 4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp</p> | <p>Sửa chi tiết theo Điều 169 Luật doanh nghiệp năm 2014</p> |

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | | |
|-----|---|--|--|
| | <p>trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên BKS;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng 6 tháng, và trong thời gian này BKS không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> | <p>sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> | |
| 31. | <p>Khoản 1 Điều 42. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> | <p>Khoản 1 Điều 44. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> | <p>Sửa theo Khoản 1 Điều 45 Điều lệ mẫu – Thông tư 95/2017/TT-BTC và phù hợp với nhu cầu và thực tế sử dụng nhiều tài khoản tại các ngân hàng khác nhau của Công ty.</p> |
| 32. | <p>Khoản 1 Điều 48. Kiểm toán</p> <p>1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội</p> | <p>Khoản 1 Điều 50. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những</p> | <p>Bổ sung nội dung ĐHĐCĐ thông qua danh sách công ty kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn công ty kiểm toán – Căn cứ theo Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC và phù hợp với thực tế HĐQT được ủy quyền lựa chọn đơn vị</p> |

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | | |
|-----|--|--|---|
| | đồng quản trị. (Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh). | điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty sẽ chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. | kiểm toán trong những năm trước. |
| 33. | Điều 49. Con dấu 1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. 2. Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. | Điều 51. Con dấu 1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định về hình thức, số lượng, nội dung và mẫu con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin chính sau đây: a. Tên doanh nghiệp; b. Mã số doanh nghiệp. 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. | Sửa theo Điều 44 Luật doanh nghiệp năm 2014 |
| 34. | Khoản 1 Điều 50. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. | Khoản 1 Điều 52. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định. | Bổ sung trường hợp Công ty bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động khi bị thu hồi Giấy chứng nhận ĐKDN – Theo Điều lệ mẫu TT 95/2018/TT-BTC |
| 35. | Điều 53. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng | Bãi bỏ nội dung này trong dự thảo Điều lệ mới | Bãi bỏ điều khoản này theo mẫu Điều lệ TT 95/2018/TT-BTC |

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | | |
|-----|---|--|---|
| | <p>quản trị, có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động. 2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị. 3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông. | | |
| 36. | <p>Điều 52. Gia hạn hoạt động</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua. | <p>Điều 53. Gia hạn hoạt động</p> <p>Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn. Trong trường hợp thời hạn hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông quyết định điều chỉnh về một thời điểm xác định, khi kết thúc thời hạn hoạt động, Công ty có thể gia hạn thời hạn hoạt động như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông | <p>Do Công ty hoạt động vô thời hạn nên quy định gia hạn sẽ chỉ áp dụng trong trường hợp trước đó ĐHCĐ đã thông qua việc ấn định một thời hạn hoạt động cụ thể.</p> |

**BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI CỦA OCH
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2019**

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua. | |
|--|--|--|--|